TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 35/2019/QĐST-HNGĐ	*Điện Biên, ngày 29 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 67/2019/TLST-HNGĐ ngày 18/02/2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị N; SN: 1980
Trú tại: Số nhà A, tổ 5, phường N, thị xã M, tỉnh Điện Biên

Bị đơn: Anh Trần Văn Ch; SN: 1973
Trú tại: Đồn Biên phòng P, Địa chỉ: Xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 59, 60, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị N và anh Trần Văn Ch

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Trần Văn Ch thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ phải trả theo biên bản thỏa thuận ngày 05/3/2019 vào Quyết định của Tòa án cụ thể như sau:

Chị N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Phương A, sinh ngày 18/01/2008 và cháu Trần Phương Th, sinh ngày 24/01/2010 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Anh Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Th là 2.500.000đ/tháng cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi. Tổng số tiền anh Ch phải cấp dưỡng là: 270.000.000 đ được trừ vào số tiền chênh lệch tài sản chung anh Ch được chia là: 117.000.000đ còn lại anh Ch phải cấp dưỡng nuôi con là: 153.000.000đ. Hình thức cấp dưỡng tiền mặt, Phương thức cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi hết số tiền 153.000.000đ. Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 4/2019.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Ch không tự nguyện thi hành đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì anh Ch phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản:

- Tài sản riêng, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có

- Tài sản chung: Chị N được sở hữu 01 nhà xây 2 tầng, địa chỉ tại tổ 5 phường N, thị xã M, tỉnh Điện Biên nằm trên diện tích đất 95,9 m2 được UBND thị xã M, tỉnh Điện Biên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 742129 ngày 06/01/2017 mang tên chị Trần Thị N.

- Nợ phải trả: Chị N có trách nhiệm trả nợ ngân hàng NN và PTNT thị xã Mường Lay 50.000.000 đồng; Anh Ch có trách nhiệm trả nợ ngân hàng NN và PTNT thị xã Mường Lay 25.000.000 đồng.

2.4. Về án phí: Căn cứ Khoản 3, Khoản 4 Điều 147/BLTTDS và Điểm a, điểm d Khoản 5, Điểm b Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị N và anh Ch không phải chịu án phí DSST đối với việc phân chia tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ; chị N và anh Ch mỗi người phải chịu 75.000 án phí DSST; anh Ch phải chịu 150.000đ án phí DSST đối với nghĩa vụ cấp dưỡng chị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí DSST của anh Ch là 225.000đ, tổng số tiền án phí chị N chịu 300.000đ được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai số AA/2016/0003073 ngày 18/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Chị N đã nộp đủ án phí DSST.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự báo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự biết: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Điện Biên;*
- *Chi cục THA dân sự H. Điện Biên;*
- *VKSND H.Điện Biên;*
- *UBND P. Sông Đà, TX.Mường Lay;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đỗ Thu Hương